

Số: 14/2021/QĐST-HNGĐ

*Quảng Ninh, ngày 08 tháng 02 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Cao Thanh B, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện Q, tỉnh Q.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Q;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2021,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Cao Thanh B và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Không.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh Cao Thanh B và chị Nguyễn Thị H thống nhất tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đình chỉ yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 tivi nhãn hiệu LG, mua vào cuối năm 2018, trị giá 5.500.000 đồng; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Samsung, mua vào năm 2018, trị giá 6.000.000 đồng; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Sunhao, mua vào năm 2020, trị giá 5.600.000 đồng; Làm mái tôn, có diện tích 30m<sup>2</sup>, trị giá 8.000.000

đồng; Sửa lại kho đựng lúa hết 6.500.000 đồng và 01 máy cày D8, mua vào năm 2020, trị giá 5.500.000 đồng.

Anh B tự nguyện hỗ trợ khó khăn sau ly hôn cho chị Nguyễn Thị H với số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

- Về nợ chung: Anh Cao Thanh B, chị Nguyễn Thị H thống nhất vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Cao Thanh B và chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn; các bên không phải chịu án phí phân chia tài sản. Hai bên thỏa thuận anh B chịu toàn bộ án phí ly hôn 150.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 726.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai thu tiền số AA/2017/0007116 ngày 30/11/2020. Anh Cao Thanh B được nhận lại số tiền 576.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Tân Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Châu**

